

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

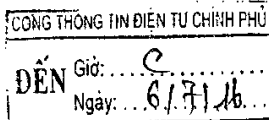
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **25**/2016/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày **30** tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 30/12/2008; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 62/TTr/STC-QLTSC ngày 28/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh; (đề báo cáo);
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM, TT (120b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

*Ban hành kèm theo Quyết định số **..25../2016/QĐ-UBND** ngày **30/6/2016** của UBND tỉnh Hoà Bình)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Lĩnh vực xã hội hoá bao gồm: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

2. Đối tượng điều chỉnh

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục-đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. (Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hoá).

3. Đối với các dự án của tổ chức kinh tế có đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hoá, việc thực hiện các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của chính phủ, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của chính phủ thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

4. Những quy định về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các

hoạt động trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp mà không quy định trong quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của chính phủ, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xã hội hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI MỘT SỐ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA

Điều 3. Đầu tư, quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước là cơ sở vật chất cho đơn vị xã hội hóa thuê

1. Đầu tư cơ sở vật chất cho đơn vị xã hội hóa thuê: Căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, nhu cầu khuyến khích phát triển xã hội hóa trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, cải tạo nâng cấp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có thuộc nhà nước quản lý (nếu có đủ điều kiện) hoặc xây dựng mới nhà, cơ sở hạ tầng, một phần hoặc toàn bộ công trình xã hội hóa để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn.

2. Giá thuê: Giá thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý của địa phương được hình thành trên cơ sở giá thuê tài sản trên đất và tiền thuê đất (nếu có) sau khi đã được ưu đãi (miễn, giảm) theo quy định, cụ thể:

a) Về tiền thuê đất

Tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước sau khi đã trừ đi số tiền được ưu đãi (miễn, giảm) theo Quy định tại Điều 4 Quy định này và Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh và các văn bản có liên quan.

b) Về giá thuê tài sản trên đất (không bao gồm tiền thuê đất)

- Đối với cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa hiện có: Tính bằng mức giá thuê tối thiểu được xác định theo nguyên tắc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản cho thuê theo hướng dẫn tại điểm 3.2 khoản 2 điều 1 Thông tư số

156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Giá cho thuê được xác định trên cơ sở đánh giá lại tài sản theo quy định hiện hành về quản lý tài sản nhà nước.

- Đối với cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa đầu tư xây dựng mới

- + Trường hợp bên cho thuê thực hiện xây dựng mới cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cho thuê: Giá cho thuê được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán của công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các chi phí khác hình nên tài sản cho thuê (nếu có);

- + Trường hợp bên đi thuê ứng trước tiền thuê để xây dựng toàn bộ công trình cho thuê: Giá cho thuê được xác định trên cơ sở giá trị dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các chi phí khác hình nên tài sản cho thuê (nếu có);

- + Trường hợp bên đi thuê ứng trước tiền thuê để xây dựng một phần công trình cho thuê: Giá cho thuê được xác định trên cơ sở giá quyết toán của công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với phần công trình đã hoàn thành cộng (+) giá trị dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với phần còn lại của công trình và các chi phí khác hình nên tài sản cho thuê (nếu có);

- Đối với giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa đang xây dựng dở dang giá cho thuê được xác định theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi công trình quyết toán xong, giá cho thuê được điều chỉnh lại theo giá trị quyết toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các chi phí khác hình thành nên tài sản cho thuê (nếu có);

Việc xác định cụ thể giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hồ sơ, thủ tục xét duyệt thuê cơ sở vật chất do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

3.1. Hồ sơ: Cơ sở thực hiện xã hội hóa gửi hồ sơ đề nghị thuê nhà, cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa đến đơn vị được giao quản lý tài sản cho thuê. Bộ hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị được thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa; trong đó, có nội dung cam kết đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ quy định tại Điều 1 Quy định này. (bản chính);

- Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao chứng thực);

- Giấy tờ chứng minh khả năng tài chính để có thể đáp ứng trước được số tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa (đối với trường hợp ứng trước tiền thuê).

3.2. Thủ tục xét duyệt

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của đơn vị xã hội hóa, đơn vị được giao quản lý cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cho thuê đàm phán với cơ sở thực hiện xã hội hóa về các nội dung chính của Hợp đồng thuê, gồm: giá cho thuê, thời hạn thuê, số tiền thuê ứng trước (nếu có) và các nội dung khác có liên

quan quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 59/2014/NĐ-CP, hướng dẫn tại Điểm 1, 2 và 3 Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật khác có liên quan gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để xin ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp trước khi Sở chủ quản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị thuê đối với tài sản thuê

4.1 Trách nhiệm: Bên đi thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa phải đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp sau khi xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trong khoảng thời gian theo quy định tại Danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của từng lĩnh vực xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định mà bên cho thuê kiểm tra nếu bên thuê không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì bên cho thuê sẽ dừng Hợp đồng thuê trước hạn theo quy định của pháp luật về dân sự; bên thuê phải bồi thường những thiệt hại phát sinh (nếu có) và bên cho thuê sẽ không phải hoàn trả số tiền mà bên thuê ứng trước của thời gian còn lại cho bên thuê (nội dung này phải được quy định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê được ký kết giữa hai bên).

4.2. Quyền hạn: Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý được sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa hoặc giá trị tài sản đã đầu tư trên đất để góp vốn liên doanh, liên kết thực hiện dự án xã hội hóa. Trong trường hợp này, đơn vị phải lập đề án gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định tại điểm 5 Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, cụ thể:

a) Trường hợp đơn vị sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để góp vốn, liên doanh, liên kết với cơ sở thực hiện xã hội hóa thì số tiền thuê theo Hợp đồng thuê được xác định là phần vốn góp của đơn vị tại cơ sở thực hiện xã hội hóa hình thành trong việc góp vốn, liên doanh, liên kết này.

b) Trường hợp đơn vị sử dụng tài sản đã đầu tư trên đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương hiệu, lợi thế thương mại và các lợi thế khác có liên quan để góp vốn, liên doanh, liên kết thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP thì giá trị tài sản đã đầu tư trên đất và giá trị lợi thế do hai bên thỏa thuận và ghi vào Hợp đồng góp vốn, Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng liên kết nhưng không thấp hơn giá trị của tài sản này trên thị trường. Trong quá trình xác định giá trị tài sản và giá trị lợi thế để góp vốn, đơn vị được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cho thuê hạ tầng, công trình xã hội hóa hoặc sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa, giá trị tài sản đã đầu tư trên đất để góp vốn liên doanh, liên kết thực hiện dự án xã hội hóa phải đáp ứng đủ điều kiện được sử dụng tài sản để cho thuê hoặc để góp vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà

nước, pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực cụ thể.

Điều 4. Miễn, giảm tiền thuê đất

1. Giảm tiền thuê đất

1.1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được giảm tiền thuê đất khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hoá có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Cơ sở thực hiện xã hội hoá được nhà nước cho thuê đất thuộc danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hoá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

1.2. Mức giảm tiền thuê đất

Mức giảm tiền thuê đất được tính bằng tỷ lệ % so với tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật hiện hành về tính tiền thuê đất, cụ thể như sau:

- Đối với địa bàn Thành phố Hoà Bình, mức giảm 50%;
- Đối với Thị trấn thuộc các Huyện, mức giảm 70%;
- Đối với các Xã thuộc các huyện, mức giảm 100%.

2. Miễn tiền thuê đất

2.1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được miễn tiền thuê đất khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1.1 Điều này;
- b) Cơ sở thực hiện xã hội hoá được Nhà nước cho thuê đất (đất chưa bồi thường giải phóng mặt bằng, chưa có cơ sở hạ tầng) nhà đầu tư thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và có cam kết không nhận lại tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

2.2. Thời gian được miễn tiền thuê đất là thời gian thực hiện dự án theo quyết định thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất được ký kết.

3. Các trường hợp không xét miễn, giảm tiền thuê đất

a) Cơ sở thực hiện xã hội hoá được nhà nước cho thuê đất và được miễn hoặc giảm tiền thuê đất theo quy định, nhưng có nguyện vọng được nộp tiền thuê đất (không áp dụng chính sách ưu đãi) theo quy định tại điểm 6, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Cơ sở thực hiện xã hội hoá trúng đấu giá thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, thì không được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định này.

c) Cơ sở thực hiện xã hội hoá trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định của nhà nước và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xã hội hoá.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về miễn, giảm tiền thuê đất.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục về miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại điểm 4.6 Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

Điều 5. Chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng

1. Hàng năm căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất cho các dự án xã hội hoá theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hoá.

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá được giao đất, cho thuê đất nhưng chưa giải phóng mặt bằng và nhà đầu tư có nhu cầu ứng trước kinh phí để thực hiện giải phóng mặt bằng. Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hoàn trả 100% chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng mà nhà đầu tư đã ứng trước để chi trả theo quy định.

Điều 6. Chuyển nhượng dự án xã hội hóa

1. Trong quá trình thực hiện dự án, vì lý do khách quan không thể tiếp tục thực hiện dự án trên đất đã được Nhà nước cho thuê thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được chuyển nhượng dự án này theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và pháp luật về đất đai nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển nhượng dự án bằng văn bản. Người nhận chuyển nhượng dự án phải cam kết bảo đảm tiếp tục thực hiện dự án xã hội hóa theo đúng mục tiêu và mục đích sử dụng đất của dự án; người nhận chuyển nhượng tiếp tục được hưởng các ưu đãi về đất đai theo chính sách xã hội hóa của người chuyển nhượng dự án cho thời gian thuê đất còn lại kể từ ngày nhận chuyển nhượng dự án.

2. Giá trị dự án chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận, bao gồm:

- Tài sản trên đất đối với trường hợp dự án được miễn toàn bộ tiền thuê đất hoặc dự án được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Tài sản trên đất và toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đối với trường hợp dự án phải nộp toàn bộ (không thực hiện miễn, giảm) tiền thuê đất trong trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

- Tài sản trên đất và một phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với phần tiền thuê đất đã nộp ngân sách nhà nước còn lại đối với trường hợp dự án được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

3. Việc hoàn tất thủ tục về cho thuê đất giữa nhà đầu tư cũ và nhà đầu tư mới khi chuyển nhượng dự án xã hội hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 7. Biện pháp chế tài khi Nhà nước cho thuê đất thực hiện dự án xã hội hóa

Việc sử dụng đất của cơ sở xã hội hóa phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn thuê đất nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc bị giải thể hoặc chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được thuê cho nhà nước. Việc xử lý đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích thực hiện như sau:

1. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích lần đầu thì bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản tiền sau:

- Tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất sai mục đích theo giá đất và chính sách thu tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho thuê đất.

- Khoản tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Trường hợp sau khi bị phạt vi phạm hành chính về đất đai mà cơ sở thực hiện xã hội hóa vẫn tiếp tục sử dụng đất không đúng mục đích thì Nhà nước thực hiện thu hồi đất; Nhà nước không hoàn trả phần tiền thuê đất đã nộp của thời gian thuê đất còn lại (nếu có) và không bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất của dự án bị thu hồi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố

1. Trách nhiệm của các Sở quản lý chuyên ngành: Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp theo phân cấp quản lý nhà nước thực hiện:

a) Trên cơ sở quy định này xây dựng danh mục dự án xã hội hoá cụ thể của ngành (*sự cần thiết kêu gọi xã hội hoá, nhu cầu sử dụng đất, dự kiến tổng mức đầu tư, lộ trình đầu tư, hình thức ưu đãi đất đai, dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng...*) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước 31/10 hàng năm để tổng hợp, bổ sung danh mục kêu gọi xã hội hoá của giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở cho việc thu hút đầu tư dự án thực hiện xã hội hoá.

b) Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hoá. Xác nhận cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đủ điều kiện hưởng các cơ chế chính sách ưu đãi theo quy định.

Căn cứ quy hoạch phát triển của ngành mình và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, phối hợp với các đơn vị liên quan đề ra soát, đề xuất danh mục dự án cần

xã hội hoá theo lộ trình các giai đoạn 5 năm và hàng năm gửi Sở Xây dựng và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách xã hội hoá thuộc lĩnh vực quản lý. Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hoá đăng ký nội dung hoạt động, trình tự, thủ tục thành lập, giải thể và quản lý hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa. Đề xuất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền phương án chuyển đổi mô hình hoạt động của các cơ sở công lập, bán công thuộc ngành, cấp quản lý.

c) Xác định quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có thuộc nhà nước quản lý có đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới để cho các cơ sở xã hội hóa thuê trong từng trường hợp cụ thể.

d) Phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phân cấp quản lý tại địa phương.

e) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở quản lý ngành chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo danh sách các cơ sở xã hội hóa đủ điều kiện được hưởng ưu đãi theo quy định của Chính phủ theo ngành, lĩnh vực gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Quản lý chuyên ngành, Bộ Tài chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hàng năm, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố công bố công khai quy hoạch, các địa điểm thực hiện dự án xã hội hóa, thẩm định lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án xã hội hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo các quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh liên quan tới việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa theo thẩm quyền.

d) Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các dự án xã hội hóa đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, danh mục dự án đã lựa chọn chủ đầu tư, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án; đề xuất xử lý và theo dõi việc xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư.

e) Phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phân cấp quản lý.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì thẩm định nhu cầu sử dụng đất; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất đối với đơn vị xã hội hóa; hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, giải quyết thủ tục cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cung cấp các thông tin về kế hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án xã hội hóa cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng sử dụng

đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa; kiểm tra xử lý đối với trường hợp vi phạm Luật Đất đai của cơ sở thực hiện xã hội hóa. Công bố, công khai quy trình thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

c) Phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phân cấp quản lý.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn về công tác quản lý tài chính đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; thẩm định cho ý kiến về giá thuê, số tiền thuê ứng trước, theo đề nghị của các Sở, ban, ngành đối với từng lĩnh vực xã hội hóa; thẩm định trình UBND tỉnh cấp hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay sau đầu tư; hướng dẫn việc xử lý tài sản của các cơ sở công lập, bán công khi chuyển ra ngoài công lập hoặc doanh nghiệp. Định kỳ phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát trình UBND tỉnh sửa đổi bổ sung danh mục lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa và khu vực địa bàn xã hội hóa trên địa bàn tỉnh cho phù hợp.

b) Có ý kiến thẩm định bằng văn bản về giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa và một số nội dung khác của Hợp đồng thuê theo đề nghị của Sở, ngành chủ quản trước khi Sở, ngành chủ quản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

c) Phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phân cấp quản lý.

d) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, UBND tỉnh, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo từng lĩnh vực, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Quản lý chuyên ngành và Bộ Tài chính.

e) Tổng hợp, nghiên cứu các khó khăn, vướng mắc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Cục Thuế tỉnh

a) Thực hiện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp pháp hồ sơ của chủ đầu tư gửi đến đủ điều kiện ban hành Quyết định miễn giảm tiền thuê đất cho các đơn vị xã hội hóa và thực hiện khấu trừ các khoản chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Sở Tài chính xác nhận bằng văn bản vào tiền thuê đất của các dự án xã hội hóa theo quy định.

b) Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện các cơ sở này không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi xã hội hóa, truy thu nghĩa vụ tài chính theo quy định của quyết định này.

c) Hướng dẫn các chính sách thuế liên quan đến cơ sở thực hiện xã hội hóa

d) Định kỳ vào tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, tổng hợp báo cáo tình hình ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn, giảm

tiền thuê đất của các cơ sở xã hội hóa trên địa bàn tỉnh và gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính.

6. Sở Xây dựng

a) Phối hợp thẩm định đơn giá cho thuê cơ sở vật chất đối với đơn vị xã hội hóa. Cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng liên quan đến các dự án xã hội hóa; Hướng dẫn các quy trình, hồ sơ thủ tục về quy hoạch, kiến trúc có liên quan đến các dự án xã hội hóa.

b) Phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phân cấp quản lý.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trước khi cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

- Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với các địa điểm thực hiện xã hội hóa trên địa bàn quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng tại khoản 1 Điều 1 quy định này khi lập dự án đầu tư để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa phải cam kết thực hiện đúng tiến độ và các tiêu chuẩn do Chính phủ quy định gửi đến các sở chủ quản, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (theo phân cấp quản lý) để được xác nhận đủ điều kiện theo quy định.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải tuân thủ theo điều lệ hoạt động, bảo đảm các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật để cung cấp cho xã hội các sản phẩm, dịch vụ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện công khai mức thu phí, lệ phí theo từng dịch vụ, công khai hoạt động, công khai tài chính theo quy định của pháp luật, công khai mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có);

Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động và tài chính của cơ sở gửi Sở chủ quản, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan Thuế, Tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

6. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cho thuê đất, đơn vị xã hội hóa nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất trong

thời gian xây dựng cơ bản (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính Phủ, miễn, giảm tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không ghi trong quy định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cùng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01/12/2015 được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh theo định kỳ (quý, năm).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh gửi về Sở Tài chính để tổng hợp phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang

100

100